

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-08-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ngô Trọng Búp

2. Hòa Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1981. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Y kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng

quan điểm, lối sống, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly hôn theo phong tục của dân tộc mình từ năm 2009 và không sống chung với nhau từ đó đến nay.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H xin được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà H và ông Y có 02 con chung: H1 sinh ngày 24/12/2004 và H2 sinh ngày 10/02/2009. Sau khi ly hôn bà H đề nghị giao cả 2 con H1 và cháu H2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y cho rằng đã ly hôn theo phong tục, tập quán của người Ê đê nên không hợp tác làm việc.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông Y và giao H1 sinh ngày 24/12/2004 và cháu H2 sinh ngày 10/02/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà H đề ngày 12/02/2022, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn ông Y, cư trú tại Buôn H, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nên vụ án thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân huyện M theo căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được cho ông Y, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng để đảm bảo việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS. Tuy nhiên, ông Y không tham gia, từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ông Y vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Y chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là H1 sinh ngày 24/12/2004 và cháu H2 sinh ngày 10/02/2009. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng bà H và ông Y đã ly hôn theo phong tục của dân tộc mình từ năm 2009 và không còn sống chung với nhau từ đó đến nay. Quá trình tham gia tố tụng bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông Y, vì vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì không thấy anh chị khai báo và nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Nay bà H làm đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà H và ông Y có 2 con là H1 và cháu H2, hiện nay hai cả hai con đang sống chung với bà H tại Buôn H, xã K, huyện M. Các con có nguyện vọng được ở với mẹ, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến lúc các con trưởng thành, vì bà H trực tiếp nuôi các con kể từ

ngày ly hôn theo phong tục(2009). Xét thấy nguyện vọng của bà H là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con H1 và H2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Y được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở quyền này. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Y cấp dưỡng tiền nuôi các con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Bà H là người dân tộc thiểu số (người Êđê), cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên miễn tiền án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Giao con chung H1 sinh ngày 24/12/2004 và H2 sinh ngày 10/02/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình cho bà H.

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã K;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đức Hợp